

Số: 300/KH-MNHY

Móng Cái, ngày 26 tháng 8 năm 2025

KẾ HOẠCH
PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG
NĂM HỌC 2025-2026

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình giáo dục mầm non (*hợp nhất Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 thông tư sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*);

Căn cứ Quyết định số 4222/QĐ-BGDĐT ngày 27/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Bộ chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi;

Căn cứ Quyết định số 3216/QĐ-UBND ngày 19/8/2025 của UBND Tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ tình hình thực tế tại đơn vị và phường Hải Yên, trường mầm non Hải Yên thực hiện xây dựng Kế hoạch phát triển chương trình nhà trường năm học 2025-2026 cụ thể như sau:

I. BỐI CẢNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG

1. Bối cảnh bên ngoài

1.1. Thời cơ

- Sau ngày 01/7/2025, phường Móng Cái 3, được sáp bởi phường Hải Yên và xã Hải Đông cũ đã từng bước triển khai vận hành bộ máy chính quyền, hệ thống chính trị 2 cấp. Đặc biệt, sau thành công đại hội đại biểu phường Móng Cái 3 nhiệm kỳ 2025- 2030 đã tạo bước ngoặt mới, thời cơ mới cho các trường trên địa bàn trong đó có trường mầm non Hải Yên. Việc vận hành hệ thống chính quyền hai cấp đã tạo cho trường cơ hội nhận được sự chỉ đạo xuyên suốt về mặt hành chính từ cấp phường, sự trực tiếp chỉ đạo chuyên môn từ cấp Sở góp phần thực hiện nhiệm vụ giáo dục nhanh, gọn, nhẹ.

- Bộ chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi ban hành kèm theo Quyết định số 4222/QĐ0BGDDT ngày 27/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo cùng với Nghị quyết số 218/2025/QH15 ngày 26/6/2025 về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi ra đời càng xác định rõ nhiệm vụ chính trị của đơn vị nói riêng của địa phương nói chung nhằm thực hiện nhiệm vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ góp phần hoàn thành sự nghiệp giáo dục của địa phương.

- Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong giáo dục được đẩy mạnh trong quản lý và tổ chức các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục trẻ. Đội ngũ giáo viên trẻ không ngừng học tập nâng cao năng lực chuyên môn và kỹ thuật công nghệ thông tin.

1.2. Thách thức

- Xã hội ngày càng phát triển và hội nhập, yêu cầu về chất lượng giáo dục ngày càng cao, điều này đòi hỏi nhà trường tập trung cao mọi nguồn lực hoàn thành đúng, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Áp lực phổ cập và huy động trẻ đảm bảo chỉ tiêu trong khi điều kiện thực tế chưa đáp ứng được.

- Các trường mầm non trên địa bàn thành phố nằm tại các khu vực lân cận địa bàn nhà trường không ngừng mở rộng và phát triển về quy mô, chất lượng tạo nên sự cạnh tranh lớn giữa các trường.

- Mâu thuẫn giữa yêu cầu chất lượng ngày càng cao với ý thức, nhận thức về công tác chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục của một bộ phận cha mẹ học sinh trong thời kỳ hội nhập phát triển.

- Yêu cầu về trang thiết bị đồ dùng dạy học cơ sở vật chất, nhân lực phục vụ cho chăm sóc giáo dục trẻ nhiều, phải không ngừng cải tiến về cơ sở vật chất.

2. Bối cảnh bên trong

2.1. Điểm mạnh

a) Truyền thống nhà trường

Truyền thống nhà trường: Trường mầm non Hải Yên có bề dày truyền thống, thương hiệu uy tín trong lĩnh vực giáo dục. Trường luôn nhận được sự quan tâm của các cấp chính quyền lãnh đạo thành phố, địa phương và phòng Giáo dục và Đào tạo quan tâm và luôn sâu sát trong công tác chỉ đạo, tạo mọi điều kiện hỗ trợ để nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ.

Trong nhiều năm xây dựng và phát triển, nhà trường đã có nhiều đóng góp tích cực, hiệu quả vào sự nghiệp giáo dục của địa phương, hàng năm nhà trường đều đạt danh hiệu tập thể lao động tiên tiến.

b) Nguồn lực

- Tổng số phòng học, phòng chức năng: 12 phòng chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục; 01 phòng bếp, 01 phòng hiệu trưởng, 02 phòng hiệu phó, 01 phòng y

tế, 01 phòng kế toán, 01 phòng kho, 01 phòng thư viện, 01 phòng giáo dục nghệ thuật và thể chất; 01 phòng hội trường, 01 phòng tin học, 01 phòng tiếp dân.

- 100% các phòng học, phòng chức năng đảm bảo kiên cố, đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ tại trường.

- Môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện; Cơ sở vật chất đảm bảo theo quy định.

- Tài chính, ngân sách đáp ứng đảm bảo nhu cầu cho các hoạt động trong nhà trường.

c) Đội ngũ giáo viên nhân viên và cán bộ quản lý

- Toàn trường có 45 CBGVNV (CBQL: 03; GV: 30; NV: 12), trong đó:

+ Ban Giám hiệu trường có 03 đồng chí đều có trình độ chuyên môn trên chuẩn: 03 Đại học. Hàng năm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng đều được đánh giá, xếp loại tốt theo Quy định Chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng. Ban giám hiệu đều tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng chính trị, chuyên môn nghiệp vụ quản lý trường học, có kinh nghiệm trong công tác quản lý, luôn thống nhất trong kế hoạch chỉ đạo công tác chăm sóc giáo dục của nhà trường; dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm; đoàn kết, sáng tạo, hỗ trợ nhau trong công tác để cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ.

+ Đội ngũ giáo viên của trường có 30 người; đảm bảo định biên 02 giáo viên/ lớp nhà trẻ và mẫu giáo; $29/30 = 96,7\%$ giáo viên có trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn (01 cao đẳng, 28 đại học); $01/30 = 3,3\%$ giáo viên chưa đạt trình độ chuẩn theo Luật Giáo dục năm 2019. Lực lượng giáo viên trường luôn vững vàng về tư tưởng chính trị, có phẩm chất đạo đức tốt, lối sống lành mạnh, đoàn kết, giản dị, yêu nghề mến trẻ, tôn trọng và đối xử công bằng với trẻ. Tập thể giáo viên luôn hòa đồng, thể hiện tinh thần sáng tạo, giúp đỡ nhau tận tình qua học tập các chuyên đề, sinh hoạt chuyên môn; tích cực tham gia các phong trào thi đua do Đảng, Nhà nước, Ngành giáo dục, nhà trường phát động và đạt nhiều thành tích cao

+ Đội ngũ nhân viên của trường: 12 người (02 viên chức, 10 nhân viên hợp đồng). Trình độ chuyên môn: 01 nhân viên kế toán - Đại học, 01 nhân viên y tế - Trung cấp y sĩ đa khoa; 02 nhân viên bảo vệ, 07 nhân viên nấu ăn, 01 nhân viên vệ sinh.

- Cơ cấu, phân bổ đội ngũ giáo viên nhân viên cho các nhóm/lớp và các bộ phận đảm bảo chức năng và vị trí việc làm trong nhà trường. Đặc biệt phân công giáo viên có trình độ chuyên môn, nhiều kinh nghiệm và tâm huyết đảm nhận phụ trách 04 lớp mẫu giáo 5-6 tuổi.

d) Về trẻ

- Năm học 2025-2026, trường có 14 nhóm lớp: 02 nhóm trẻ và 12 lớp mẫu giáo với tổng số học sinh 485 (theo Quyết định số 2081/QĐ-UBND ngày 16/5/2025 của UBND thành phố Móng cái).

2.2. Điểm yếu

a) Đội ngũ

- Còn 01 giáo viên chưa đạt trình độ chuẩn theo Luật Giáo dục năm 2019
 - Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, tính sáng tạo, chủ động của đội ngũ còn nhiều hạn chế. Chất lượng tổ chức hoạt động của giáo viên chưa đồng đều.

b) Điều kiện cơ sở vật chất

- Thiếu một số khu vực hoạt động vui chơi ngoài trời cho trẻ (khu vận động ngoài trời, sân chơi).

- 9/14 nhóm lớp chưa đủ thiết bị đồ dùng đồ chơi theo quy định.

2.3. Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi

- **Tầm nhìn:** Trường mầm non Hải Yên sẽ trở thành ngôi trường nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ an toàn, hạnh phúc.

- **Sứ mệnh:** Trường mầm non Hải Yên là Trường học An toàn- Tôn trọng- Thương yêu- Tự hào.

- **Giá trị cốt lõi:** Giữ gìn những giá trị mang tính tốt đẹp nhân văn trong môi trường giáo dục. Chất lượng, chuyên nghiệp và hiệu quả là mục tiêu hàng đầu, là nguyên tắc và định hướng cho các hoạt động nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ, là yếu tố quyết định cho sự phát triển trong xây dựng trường học an toàn, hạnh phúc, lớp học an toàn, hạnh phúc, giáo viên hạnh phúc.

3. Phân tích chương trình giáo dục

a) Chương trình giáo dục quốc gia

Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình giáo dục mầm non (hợp nhất Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 thông tư sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) là một chương trình khung, kế thừa được những ưu việt của các chương trình giáo dục trước đây, đảm bảo đáp ứng được sự đa dạng của các vùng miền, các đối tượng trẻ, hướng đến sự phát triển toàn diện cho trẻ

Bên cạnh đó với sự hội nhập giáo dục, chương trình giáo dục quốc gia hiện nay cho phép các trường MN có thể lựa chọn, bổ sung một số nội dung như: cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tiếp cận công nghệ số và áp dụng những nội dung, phương pháp giáo dục của các nước tiên tiến sao cho phù hợp với mục tiêu của

Chương trình giáo dục mầm non, bảo đảm tính khoa học, thiết thực, hiệu quả, phù hợp với văn hóa, điều kiện của địa phương, của cơ sở giáo dục mầm non, khả năng nhu cầu của trẻ, và theo quy định của pháp luật nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ trong nhà trường

b) Chương trình giáo dục nhà trường

Các nội dung chương trình giáo dục của nhà trường trong những năm qua đảm bảo được các mục tiêu đã đề ra và kết quả mong đợi của chương trình GDMN, tuy nhiên các kế hoạch của giáo viên ở các nhóm/lớp vẫn còn giống nhau chưa có sự đổi mới, khác biệt; chưa thể hiện rõ nét việc vận dụng các phương pháp giáo dục tiên tiến trong tổ chức hoạt động giáo dục

II. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC CỦA NHÀ TRƯỜNG

1. Mục tiêu chung

Mục tiêu của giáo dục mầm non là giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào lớp một; hình thành và phát triển ở trẻ em những chức năng tâm sinh lý, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng, những kỹ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi, khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng tiềm ẩn, đặt nền tảng cho việc học ở các cấp học tiếp theo và cho việc học tập suốt đời.

2. Mục tiêu cụ thể theo từng lĩnh vực

2.1. Nhà trẻ

Chương trình giáo dục nhà trẻ nhằm giúp trẻ từ 24 tháng tuổi đến 36 tháng tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm- xã hội và thẩm mỹ.

2.1.1. Lĩnh vực phát triển thể chất

- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi;
- Thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ;
- Thực hiện được vận động cơ bản theo độ tuổi;
- Có một số tố chất vận động ban đầu (nhạy nhẹn, khéo léo, thăng bằng cơ thể);
- Có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay, ngón tay;
- Có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân.

2.1.2. Lĩnh vực phát triển nhận thức

- Thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh;
- Có sự nhạy cảm của các giác quan;
- Có khả năng quan sát, nhận xét, ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu nói đơn giản;
- Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật hiện tượng gần gũi, quen thuộc.

2.1.3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ

- Nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói

- Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ;
- Sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu;
- Hồn nhiên trong giao tiếp.
- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói;

2.1.4. Lĩnh vực phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ

- Có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi;
- Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi;
- Thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt;
- Thích nghe hát, hát và vận động theo nhạc, thích vẽ, xé dán, xếp hình; thích nghe đọc thơ, kể chuyện.

2.2. Mẫu giáo

Chương trình giáo dục mẫu giáo nhằm giúp trẻ từ 3 tuổi đến 6 tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm- xã hội và thẩm mỹ, chuẩn bị cho trẻ vào học ở tiểu học.

2.2.1. Lĩnh vực phát triển thể chất

- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi;
- Có một số tố chất vận động: Nhanh nhẹn, mạnh khỏe, khéo léo và bền bỉ;
- Thực hiện được vận động cơ bản vững vàng, đúng tư thế;
- Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian;
- Có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay;
- Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe.
- Có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân.

2.2.2. Lĩnh vực phát triển nhận thức

- Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh;
- Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định;
- Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau;
- Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu;
- Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán.

2.2.3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ

- Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày;
- Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...);

- Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hằng ngày;
- Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại chuyện;
- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với tuổi;

- Có một số kỹ năng ban đầu về việc đọc và viết.

2.2.4. Lĩnh vực phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội

- Có ý thức về bản thân;
- Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh;

- Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực;
- Có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ;
- Thực hiện một số quy tắc, quy định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.

2.2.5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ

- Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật;
- Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình;
- Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật, có ý thức giữ gìn, bảo vệ cái đẹp.

IV. XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG

1. Kế hoạch thực hiện

a) Phân phối thời gian

- Căn cứ theo Quyết định số 3261/QĐ-UBND ngày 19/8/2025, của UBND tỉnh Quảng Ninh Quyết định về việc đề nghị ban hành kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 của Giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh. Chương trình thiết kế cho 35 tuần học/năm học cụ thể:

- Học kỳ I: + Ngày bắt đầu học kỳ từ 05/09/2025 (thứ Sáu)
 + Ngày kết thúc học kỳ: 09/01/2026 (thứ Sáu)
- Học kỳ II: + Ngày bắt đầu học kỳ từ 12/01/2026 (thứ Hai)
 + Ngày kết thúc học kỳ: 22/05/2026 (thứ Sáu)

b) Chế độ sinh hoạt

* Chế độ sinh hoạt cho trẻ (24-326) tháng tuổi * Chế độ sinh hoạt cho trẻ mẫu giáo

Thời gian	Hoạt động	Thời gian	Hoạt động
-----------	-----------	-----------	-----------

Thời gian	Hoạt động
50 - 60 phút	Đón trẻ
110 - 120 phút	Chơi - Tập
50 - 60 phút	Ăn chính
140 - 150 phút	Ngủ
20 - 30 phút	Ăn phụ
50 - 60 phút	Chơi - Tập
50 - 60 phút	Ăn chính
50 - 60 phút	Chơi/Trả trẻ

Thời gian	Hoạt động
80 - 90 phút	Đón trẻ, chơi, thể dục sáng
30 - 40 phút	Học
40 - 50 phút	Chơi, hoạt động ở các góc
30 - 40 phút	Chơi ngoài trời
60 - 70 phút	Ăn bữa chính
140 - 150 phút	Ngủ
20 - 30 phút	Ăn bữa phụ
70 - 80 phút	Chơi, hoạt động theo ý thích
60 - 70 phút	Trẻ chuẩn bị ra về và trả trẻ

* Thời gian một ngày cụ thể của trẻ nhà trẻ 24- 36 tháng ở trường mầm non

TT	Thời gian	Hoạt động
1	7 giờ- 8 giờ	Đón trẻ- tắm nắng- thể dục buổi sáng
2	8 giờ- 10 giờ	Chơi- tập
3	10 giờ- 11 giờ	Ăn chính
4	11 giờ- 13 giờ 30 phút	Ngủ
5	13 giờ 30 phút- 14 giờ	Ăn phụ
6	14 giờ- 15 giờ	Chơi- tập
7	15 giờ- 15 giờ 50 phút	Ăn chính
8	15 giờ 50 phút- 17 giờ	Chơi, trả trẻ

* Thời gian một ngày cụ thể của trẻ độ tuổi mẫu giáo ở trường mầm non

TT	Thời gian	Hoạt động
1	7 giờ- 8 giờ 20 phút	Đón trẻ- chơi- thể dục buổi sáng
2	8 giờ 20 phút- 9 giờ	Học
3	9 giờ- 9 giờ 40 phút	Hoạt động ngoài trời
4	9 giờ 40 phút - 10 giờ 30 phút	Chơi, hoạt động ở các góc
5	10 giờ 30 phút - 11 giờ 30 phút	Ăn chính
6	11 giờ 30 phút - 14 giờ	Ngủ
7	14 giờ- 14 giờ 35 phút	Ăn bữa phụ

8	14 giờ 30 phút- 15 giờ 50 phút	Chơi, hoạt động theo ý thích
	15 giờ 50 phút- 17 giờ	Trẻ chuẩn bị ra về và và trả trẻ

2. Nội dung nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ theo độ tuổi và Kết quả mong đợi

2. 1. Độ tuổi 24-36 tháng (Có phụ lục 1 kèm theo)

2. 2. Độ tuổi 3-4 tuổi (Có phụ lục 2 kèm theo)

2. 3. Độ tuổi 4-5 tuổi (Có phụ lục 3 kèm theo)

2. 4. Độ tuổi 5-6 tuổi (Có phụ lục 4 kèm theo)

3. Các hoạt động giáo dục, hình thức, phương pháp giáo dục và tổ chức môi trường giáo dục

3.1. Các hoạt động giáo dục

3.1.1. Các hoạt động giáo dục nhà trẻ

a) Hoạt động giao lưu cảm xúc

Hoạt động này đáp ứng nhu cầu gắn bó của trẻ với người thân, tạo cảm xúc hơn hờ, luyện tập và phát triển các giác quan, hình thành mối quan hệ ban đầu với những người gần gũi. Đây là hoạt động chủ đạo của trẻ dưới 12 tháng tuổi.

b) Hoạt động với đồ vật

Hoạt động này đáp ứng nhu cầu của trẻ về tìm hiểu thế giới đồ vật xung quanh, nhận biết công dụng và cách sử dụng một số đồ dùng, đồ chơi, phát triển lời nói, phát triển các giác quan,... Đây là hoạt động chủ đạo của trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi.

c) Hoạt động chơi

Hoạt động này đáp ứng nhu cầu của trẻ về vận động và khám phá thế giới xung quanh, hình thành mối quan hệ với những người gần gũi. Ở độ tuổi này, trẻ có thể chơi thao tác vai (chơi phản ánh sinh hoạt), trò chơi có yếu tố vận động, trò chơi dân gian.

d) Hoạt động chơi - tập có chủ định

Đây là hoạt động kết hợp yếu tố chơi với luyện tập có kế hoạch dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giáo viên. Hoạt động này được tổ chức nhằm phát triển thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và những yếu tố ban đầu về thẩm mỹ.

e) Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân

Đây là hoạt động nhằm đáp ứng nhu cầu sinh lý của trẻ, đồng thời tập cho trẻ một số nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt hằng ngày và tạo cho trẻ trạng thái sáng khoái, vui vẻ.

3.1.2 Các hoạt động giáo dục mẫu giáo

a) Hoạt động chơi

Hoạt động chơi là hoạt động chủ đạo của trẻ em lứa tuổi mẫu giáo. Trẻ có thể chơi với các loại trò chơi cơ bản sau:

- Trò chơi đóng vai theo chủ đề.
- Trò chơi ghép hình, lắp ráp, xây dựng.
- Trò chơi đóng kịch.
- Trò chơi học tập.
- Trò chơi vận động.
- Trò chơi dân gian.
- Trò chơi với phương tiện công nghệ hiện đại.

b) Hoạt động học

Hoạt động học được tổ chức có chủ định theo kế hoạch dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giáo viên. Hoạt động học ở mẫu giáo được tổ chức chủ yếu dưới hình thức chơi.

c) Hoạt động lao động

Hoạt động lao động đối với lứa tuổi mẫu giáo không nhằm tạo ra sản phẩm vật chất mà được sử dụng như một phương tiện giáo dục. Hoạt động lao động đối với trẻ mẫu giáo gồm: lao động tự phục vụ, lao động trực nhật, lao động tập thể.

d) Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân

Đây là các hoạt động nhằm hình thành một số nền nếp, thói quen trong sinh hoạt, đáp ứng nhu cầu sinh lý của trẻ, tạo cho trẻ trạng thái thoải mái, vui vẻ.

3.2. Hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục

3.2.1. Hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ nhà trẻ

a) Theo mục đích và nội dung giáo dục, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động có chủ định của giáo viên và theo ý thích của trẻ.
- Tổ chức lễ, hội: Tổ chức kỷ niệm các ngày lễ hội, các sự kiện quan trọng trong năm liên quan đến trẻ có ý nghĩa giáo dục và mang lại niềm vui cho trẻ (Tết Trung thu, Tết cổ truyền, Tết thiếu nhi (ngày 1/6),...).

b) Theo vị trí không gian, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động trong phòng nhóm.
- Tổ chức hoạt động ngoài trời.

c) Theo số lượng trẻ, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động cá nhân.
- Tổ chức hoạt động theo nhóm nhỏ.
- Tổ chức hoạt động theo nhóm lớn.

Đối với trẻ lứa tuổi nhà trẻ nên chú trọng sử dụng hình thức tổ chức hoạt động cá nhân và theo nhóm nhỏ.

3.2.2. Hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục mẫu giáo

a) Theo mục đích và nội dung giáo dục, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động có chủ định của giáo viên và theo ý thích của trẻ.
- Tổ chức lễ, hội: Tổ chức kỷ niệm các ngày lễ hội, các sự kiện quan trọng trong năm liên quan đến trẻ có ý nghĩa giáo dục và mang lại niềm vui cho trẻ (Tết Trung thu, Ngày hội đến trường, Tết cổ truyền, sinh nhật của trẻ, Ngày hội của các bà, các mẹ, các cô, các bạn gái (8.3), Tết thiếu nhi (ngày 01/6),...).

b) Theo vị trí không gian, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động trong phòng lớp.
- Tổ chức hoạt động ngoài trời.

c) Theo số lượng trẻ, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động cá nhân.
- Tổ chức hoạt động theo nhóm.
- Tổ chức hoạt động cả lớp.

3.3. Phương pháp giáo dục

3.3.1. Phương pháp giáo dục trẻ nhà trẻ

a) Nhóm phương pháp tác động bằng tình cảm

Dùng cử chỉ vỗ về, vuốt ve gần gũi cùng với những điệu bộ, nét mặt, lời nói âu yếm để tạo cho trẻ những cảm xúc an toàn, tin cậy, thỏa mãn nhu cầu giao tiếp, gắn bó, tiếp xúc với người thân và môi trường xung quanh.

b) Nhóm phương pháp trực quan - minh họa

Dùng phương tiện trực quan (vật thật, đồ chơi, tranh ảnh, phim ảnh), hành động mẫu (lời nói và cử chỉ) cho trẻ quan sát, rèn luyện sự nhạy cảm của các giác quan, thỏa mãn nhu cầu tiếp nhận các thông tin từ thế giới bên ngoài. Phương tiện trực quan và hành động mẫu cần sử dụng đúng lúc và kết hợp với lời nói với các minh họa phù hợp.

c) Nhóm phương pháp thực hành

*) *Hành động, thao tác với đồ vật, đồ chơi*

Tổ chức cho trẻ thao tác trực tiếp với đồ chơi, đồ vật dưới sự hướng dẫn của giáo viên (sờ mó, cầm nắm, lắc, mở đóng, xếp cạnh nhau, xếp chồng lên nhau) để tiếp nhận thông tin, nhận thức và hình thành các hành vi, kỹ năng.

*) *Trò chơi*

Sử dụng các yếu tố chơi, các trò chơi đơn giản thích hợp để kích thích trẻ hoạt động, mở rộng hiểu biết về môi trường xung quanh và phát triển lời nói và vận động phù hợp.

*) *Luyện tập*

Tổ chức cho trẻ thực hiện lặp đi lặp lại các câu nói, động tác, hành vi, cử chỉ, điệu bộ phù hợp với yêu cầu nội dung giáo dục và hứng thú của trẻ. Lời nói của cô cần hướng đến giúp trẻ dễ dàng thực hiện các hành động, động tác luyện tập.

d) Nhóm phương pháp dùng lời nói (*trò chuyện, kể chuyện, giải thích*)

Sử dụng lời nói, lời kể diễn cảm, câu hỏi gợi mở phối hợp cùng với các cử chỉ, điệu bộ phù hợp nhằm khuyến khích trẻ tiếp xúc với đồ vật và giao tiếp với người xung quanh; bộc lộ ý muốn, chia sẻ những cảm xúc với người khác bằng lời nói và hành động cụ thể. Lời nói và câu hỏi của người lớn cần ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu phù hợp với kinh nghiệm của trẻ.

Đối với trẻ ở lứa tuổi nhà trẻ dùng tiếng mẹ đẻ khi giao tiếp là chủ yếu.

e) Nhóm phương pháp đánh giá, nêu gương

Ở lứa tuổi nhỏ, người lớn khen, nêu gương, tỏ thái độ đồng tình, khích lệ những việc làm, hành vi, lời nói tốt của trẻ là chủ yếu. Có thể tỏ thái độ không đồng tình, nhắc nhở khi cần thiết nhưng cần nhẹ nhàng, khéo léo.

Giáo viên phối hợp các phương pháp tạo ra sức mạnh tổng hợp tác động đến các mặt phát triển của trẻ, khuyến khích trẻ sử dụng các giác quan (*nghe, nhìn, sờ...*), sử dụng lời nói và tích cực hoạt động để phát triển; tăng cường giao tiếp, hướng dẫn cá nhân bằng lời nói, cử chỉ và hành động; chú trọng sử dụng phương pháp tác động bằng tình cảm và thực hành. Giáo viên luôn là tấm gương cho trẻ noi theo

3.3.2. Phương pháp giáo dục mẫu giáo

a) Nhóm phương pháp thực hành, trải nghiệm

- Phương pháp thực hành thao tác với đồ vật, đồ chơi: Trẻ sử dụng và phối hợp các giác quan, làm theo sự chỉ dẫn của giáo viên, hành động đối với các đồ vật, đồ chơi (cầm, nắm, sờ, đóng mở, xếp chồng, xếp cạnh nhau, xâu vào nhau,...) để phát triển giác quan và rèn luyện thao tác tư duy.

- Phương pháp dùng trò chơi: sử dụng các loại trò chơi với các yếu tố chơi phù hợp để kích thích trẻ tự nguyện, hứng thú hoạt động tích cực giải quyết nhiệm vụ nhận thức, nhiệm vụ giáo dục đặt ra.

- Phương pháp nêu tình huống có vấn đề: Đưa ra các tình huống cụ thể nhằm kích thích trẻ tìm tòi, suy nghĩ dựa trên vốn kinh nghiệm để giải quyết vấn đề đặt ra.

- Phương pháp luyện tập: Trẻ thực hành lặp đi lặp lại các động tác, lời nói, cử chỉ, điệu bộ theo yêu cầu của giáo viên nhằm củng cố kiến thức và kỹ năng đã được thu nhận.

b) Nhóm phương pháp trực quan - minh họa (*quan sát, làm mẫu, minh họa*)

Phương pháp này cho trẻ quan sát, tiếp xúc, giao tiếp với các đối tượng, phương tiện (vật thật, đồ chơi, tranh ảnh); hành động mẫu; hình ảnh tự nhiên, mô hình, sơ đồ và phương tiện nghe nhìn (phim vô tuyến, đài, máy ghi âm, điện thoại, vi tính) thông qua sử dụng các giác quan kết hợp với lời nói nhằm tăng cường vốn hiểu biết, phát triển tư duy và ngôn ngữ của trẻ.

c) Nhóm phương pháp dùng lời nói

Sử dụng các phương tiện ngôn ngữ (đàm thoại, trò chuyện, kể chuyện, giải thích) nhằm truyền đạt và giúp trẻ thu nhận thông tin, kích thích trẻ suy nghĩ, chia sẻ ý tưởng, bộc lộ những cảm xúc, gợi nhớ những hình ảnh và sự kiện bằng lời nói. Lời nói, câu hỏi của giáo viên cần ngắn gọn, cụ thể, gần với kinh nghiệm sống của trẻ.

d) Nhóm phương pháp giáo dục bằng tình cảm và khích lệ

Phương pháp dùng cử chỉ điệu bộ kết hợp với lời nói thích hợp để khuyến khích và ủng hộ trẻ hoạt động nhằm khơi gợi niềm vui, tạo niềm tin, cổ vũ sự cố gắng của trẻ trong quá trình hoạt động.

e) Nhóm phương pháp nêu gương - đánh giá

- Nêu gương: Sử dụng các hình thức khen, chê phù hợp, đúng lúc, đúng chỗ. Biểu dương trẻ là chính, nhưng không lạm dụng.

- Đánh giá: Thể hiện thái độ đồng tình hoặc chưa đồng tình của người lớn, của bạn bè trước việc làm, hành vi, cử chỉ của trẻ. Từ đó đưa ra nhận xét, tự nhận xét trong từng tình huống hoặc hoàn cảnh cụ thể. Không sử dụng các hình phạt làm ảnh hưởng đến sự phát triển tâm - sinh lí của trẻ.

3.4. Tổ chức môi trường giáo dục

3.4.1. Tổ chức môi trường cho trẻ hoạt động cho trẻ nhà trẻ

3.4.1.1. Môi trường vật chất

a) Môi trường cho trẻ hoạt động trong phòng nhóm/lớp

- Có các đồ dùng, đồ chơi đa dạng có màu sắc sặc sỡ, hình dạng phong phú, hấp dẫn, phát ra tiếng kêu và có thể di chuyển được.

- Sắp xếp, bố trí đồ vật an toàn, hợp lý, đảm bảo thẩm mỹ và đáp ứng mục đích giáo dục.

- Có khu vực để bố trí chỗ ăn, chỗ ngủ cho trẻ đảm bảo yêu cầu quy định.

- Các khu vực hoạt động bố trí phù hợp, linh hoạt có tính mở, tạo điều kiện dễ dàng cho trẻ tự lựa chọn và sử dụng đồ vật, đồ chơi, tham gia vào hoạt động, đồng thời thuận lợi cho sự quan sát của giáo viên.

+ Trẻ 24 - 36 tháng tuổi có thêm khu vực chơi thao tác vai, chơi với đất nặn, bút vẽ.

b) Môi trường cho trẻ hoạt động ngoài trời

- Sân chơi, thiết bị đồ chơi ngoài trời được trang bị phù hợp với độ tuổi nhà trẻ và sắp xếp ở khu vực gần phòng nhóm/lớp.

- Có vườn cây, bồn hoa, cây cảnh, khu vực nuôi các con vật.

3.4.1.2. Môi trường xã hội

Môi trường chăm sóc, giáo dục trong trường mầm non cần phải đảm bảo an toàn về mặt tâm lý, tạo thuận lợi giáo dục các kỹ năng xã hội cho trẻ. Hành vi, cử chỉ, lời nói, thái độ của giáo viên đối với trẻ và những người khác luôn mẫu mực để trẻ noi theo.

3.4.2. Tổ chức môi trường cho trẻ hoạt động cho trẻ mẫu giáo

3.4.2.1. Môi trường vật chất

a) Môi trường cho trẻ hoạt động trong phòng lớp

- Trang trí phòng lớp đảm bảo thẩm mỹ, thân thiện và phù hợp với nội dung, chủ đề giáo dục.

- Có các đồ dùng, đồ chơi, nguyên vật liệu đa dạng, phong phú, hấp dẫn trẻ.

- Sắp xếp và bố trí đồ dùng, đồ chơi hợp lý, đảm bảo an toàn và đáp ứng mục đích giáo dục.

- Có khu vực để bố trí chỗ ăn, chỗ ngủ cho trẻ đảm bảo yêu cầu quy định.

- Các khu vực hoạt động bố trí phù hợp, linh hoạt (*có thể bố trí cố định hoặc có thể di chuyển*), mang tính mở, tạo điều kiện dễ dàng cho trẻ tự lựa chọn và sử dụng đồ vật, đồ chơi, tham gia hoạt động và thuận lợi cho sự quan sát của giáo viên.

- Các khu vực hoạt động của trẻ gồm có: Khu vực chơi đóng vai; tạo hình; thư viện (*sách, tranh truyện*); khu vực ghép hình, lắp ráp/xây dựng; khu vực dành cho hoạt động khám phá thiên nhiên và khoa học; hoạt động âm nhạc và có khu vực yên tĩnh cho trẻ nghỉ ngơi. Khu vực cần yên tĩnh bố trí xa các khu vực ồn ào. Tên các khu vực hoạt động đơn giản, phù hợp với chủ đề và tạo môi trường làm quen với chữ viết.

b) Môi trường cho trẻ hoạt động ngoài trời, gồm có:

- Sân chơi và sắp xếp thiết bị chơi ngoài trời.

- Khu chơi với cát, đất, sỏi, nước.

- Bồn hoa, cây cảnh, nơi trồng cây và khu vực nuôi các con vật.

3.4.2.2. Môi trường xã hội

- Môi trường chăm sóc giáo dục trong trường mầm non cần phải đảm bảo an toàn về mặt tâm lý, tạo thuận lợi giáo dục các kỹ năng xã hội cho trẻ.

- Trẻ thường xuyên được giao tiếp, thể hiện mối quan hệ thân thiện giữa trẻ với trẻ và giữa trẻ với những người xung quanh.

- Hành vi, cử chỉ, lời nói, thái độ của giáo viên đối với trẻ và những người khác luôn mẫu mực để trẻ noi theo.

4. Đánh giá sự phát triển của trẻ

4.1. Đánh giá sự phát triển của trẻ nhà trẻ

4.1.1. Đánh giá trẻ hằng ngày

a) Mục đích đánh giá

Đánh giá nhằm kịp thời điều chỉnh kế hoạch hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ hằng ngày.

b) Nội dung đánh giá

- Tình trạng sức khỏe của trẻ.
- Trạng thái cảm xúc, thái độ và hành vi của trẻ.
- Kiến thức, kỹ năng của trẻ.

c) Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ.

Hằng ngày, giáo viên theo dõi và ghi chép lại những thay đổi rõ rệt của trẻ và những điều cần lưu ý để kịp thời điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục.

4.1.2. Đánh giá trẻ theo giai đoạn

a) Mục đích đánh giá

Xác định mức độ đạt được của trẻ ở các lĩnh vực phát triển theo từng giai đoạn, trên cơ sở đó điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho giai đoạn tiếp theo.

b) Nội dung đánh giá

Đánh giá mức độ phát triển của trẻ theo giai đoạn về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ.

c) Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Sử dụng bài tập tình huống.
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ

Kết quả đánh giá được giáo viên lưu giữ trong hồ sơ cá nhân trẻ.

d) Thời điểm và căn cứ đánh giá

- Đánh giá cuối độ tuổi (6, 12, 18, 24, 36 tháng) dựa vào kết quả mong đợi.
- Đánh giá mức độ phát triển thể chất của trẻ cần sử dụng thêm chỉ số về cân nặng, chiều cao cuối độ tuổi.

4.2. Đánh giá sự phát triển của trẻ mẫu giáo

Đánh giá sự phát triển của trẻ là quá trình thu thập thông tin về trẻ một cách có hệ thống và phân tích, đối chiếu với mục tiêu của Chương trình giáo dục mầm non, nhận định mức độ phát triển của trẻ nhằm điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ một cách phù hợp.

4.2.1. Đánh giá trẻ hằng ngày

a) Mục đích đánh giá

Đánh giá nhằm kịp thời điều chỉnh kế hoạch hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ hằng ngày.

b) Nội dung đánh giá

- Tình trạng sức khỏe của trẻ.
- Trạng thái cảm xúc, thái độ và hành vi của trẻ.
- Kiến thức, kỹ năng của trẻ.

c) Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ.
- Sử dụng tình huống.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ.

Hằng ngày, giáo viên theo dõi và ghi chép lại những thay đổi rõ rệt của trẻ và những điều cần lưu ý để kịp thời điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho phù hợp.

4.2.2. Đánh giá trẻ theo giai đoạn

a) Mục đích đánh giá

Xác định mức độ đạt được của trẻ ở các lĩnh vực phát triển theo giai đoạn (*cuối chủ đề/tháng, cuối mỗi độ tuổi*) trên cơ sở đó điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho giai đoạn tiếp theo.

b) Nội dung đánh giá

Đánh giá mức độ phát triển của trẻ về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm và kỹ năng xã hội, thẩm mỹ.

c) Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.

- Trò chuyện với trẻ.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Sử dụng tình huống hoặc bài tập/trắc nghiệm.
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ.

Kết quả đánh giá được giáo viên lưu giữ trong hồ sơ cá nhân của trẻ.

d) Thời điểm và căn cứ đánh giá

- Đánh giá cuối giai đoạn dựa vào mục tiêu giáo dục chủ đề/tháng, kết quả mong đợi cuối độ tuổi.
- Đánh giá mức độ phát triển thể chất căn cứ sử dụng thêm chỉ số về cân nặng, chiều cao cuối độ tuổi.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG

1. Đối với Hiệu Trưởng

1. Hiệu trưởng

Phối hợp với Hội đồng nhà trường thực hiện xây dựng kế hoạch phát triển Chương trình giáo dục mầm non dựa trên Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT của Bộ giáo dục và đào tạo ban hành ngày 13/4/2021.

Thực hiện triển khai kế hoạch đến toàn thể giáo viên trong nhà trường.

Hướng dẫn giáo viên xây dựng kế hoạch giáo dục tại các tổ chuyên môn, nhóm, lớp.

Thường xuyên đôn đốc, giám sát, hỗ trợ các tổ/nhóm chuyên môn và giáo viên trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch

Điều chỉnh chương trình giáo dục nhà trường khi cần thiết

Chịu trách nhiệm trước cấp trên về chương trình giáo dục nhà trường

2. Phó hiệu trưởng

Tham mưu, phối hợp trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục nhà trường

Giám sát quá trình thực hiện chương trình giáo dục tại nhà trường

Điều chỉnh chương trình giáo dục nhà trường khi cần thiết

Triển khai chương trình giáo dục nhà trường tới các tổ chuyên môn

3. Tổ trưởng các tổ chuyên môn

Căn cứ vào kế hoạch của nhà trường, đặc điểm của trẻ, điều kiện nhóm/lớp, xây dựng kế hoạch Phát triển Chương trình giáo dục nhóm lớp.

Trong quá trình thực hiện, nếu thấy chưa phù hợp sẽ thông nhất điều chỉnh nội dung kế hoạch (nếu có).

Tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm việc thực hiện và báo cáo tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ với nhà trường.

4. Giáo viên

Thực hiện nghiêm túc Kế hoạch phát triển chương trình giáo dục của tổ chuyên môn và nhà trường.

Thực hiện xây dựng và tổ chức các loại kế hoạch giáo dục phù hợp với tình hình đặc điểm của trẻ tại nhóm/lớp.

Thực hiện đánh giá cuối mỗi ngày, tháng, mỗi giai đoạn/ chủ đề để có những điều chỉnh kế hoạch kịp thời.

VI. ĐÁNH GIÁ, ĐIỀU CHỈNH CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG

Đánh giá việc thực hiện những nội dung trong chương trình, rút kinh nghiệm, đề ra các giải pháp thực hiện trong thời gian tới, để điều chỉnh những bất cập, cải tiến và xây dựng kế hoạch của nhà trường được hiệu quả hơn.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc các bộ phận cần kịp thời phản ánh về ban lãnh đạo nhà trường để có hướng dẫn chỉ đạo kịp thời.

Trên đây là Kế hoạch phát triển Chương trình giáo dục mầm non của trường mầm non Hải Yên năm học 2025-2026. Đề nghị các đồng chí cán bộ, giáo viên nghiên cứu và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Cán bộ, giáo viên, nhân viên (th/h)
- Lưu VT-HSCM

HIỆU TRƯỞNG



Hà Bích Thủy